TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HSST
Ngày 04/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Hồng Tuấn
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Anh Dũng
2. Ông Huỳnh Quốc Bình

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại Phòng xử trực tuyến điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2024/TLST-HS, ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 03 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tiến K, sinh năm 1985; Tên gọi khác: Không; ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Th, xã Cự K, huyện Th1, TP Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên bố: Nguyễn Tiến V, sinh năm 1965; Họ và tên mẹ: Lê Thị Đ, sinh năm: 1960; Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ Khuất Thị L sinh năm 1991; Bị cáo có 03 con: Lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2017; Theo danh chỉ bản số 642 lập ngày 07/12/2024 của Công an huyện Thanh Trì, TP Hà Nội về tiền án: 01 tiền án

Tiền án: Tại bản án số 276/2009/HSST ngày 24/6/2009, bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Hà Nội xử phạt K 30 tháng tù giam về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Nhân thân:

- Tại bản án số 27/2004/ HSST ngày 01/9/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Hà Tây xử 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản;

- Tại bản án số 57/2007/HSST ngày 14/6/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Hà Nội xử phạt 16 tháng tù về tội Cướp giật tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số II - Công an Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại điểm cầu Trại tạm giam số I Công an Thành phố Hà Nội).

2. Phạm Văn T, sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không; ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn C, xã Cự K, huyện Th1, TP Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên bố: Phạm Văn T2, sinh năm 1962; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Kh, sinh năm: 1963; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ Hoàng Thị H sinh năm 1992; Bị cáo có 02 con: Lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019; Theo danh chỉ bản số 643 lập ngày 07/12/2024 của Công an huyện Thanh Trì, TP Hà Nội về tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số II - Công an Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại điểm cầu Trại tạm giam số I Công an Thành phố Hà Nội).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 13 giờ 40 phút ngày 04/12/2023, Công an xã Tân Triều phối hợp với tổ công tác Y 141 – Công an Tp Hà Nội làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát địa bàn, khi đi đến đường Phạm Tu, Yên Xá, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội phát hiện Phạm Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade BKS 30 Y5-8281 chở theo Nguyễn Tiến K có biểu hiện nghi vấn nên tổ công tác đã tiến hành kiểm tra hành chính. Quá trình kiểm tra tổ công tác phát hiện ở lòng bàn tay trái của K có 01 gói nilong được quấn ngoài bằng băng dính loại hai mặt. Tại chỗ, K và T cùng khai nhận 01 gói nilong được quấn ngoài bằng băng dính hai mặt, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy K và T vừa mua với giá 600.000 đồng của một nam thanh niên tên Dương tại khu vực chợ Quang, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội để sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ tang vật và đưa T và K về trụ sở để giải quyết. Ngoài ra tổ công tác còn thu giữ của K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A màu xanh, bên trong lắp sim số 0975604961; thu giữ của T 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 301Y5-8281 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 bên trong lắp sim số 0355760427.

Xét nghiệm ma túy đối với Phạm Văn T và Nguyễn Tiến K. Kết quả: Dương tính.

Ngày 04/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Thanh Trì đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với 01 gói giấy bên trong chứa chất tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Tiến K.

Tại bản kết luận giám định số 8055/KL-KTHS ngày 13/12/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: *Tinh thể màu trắng bên*

trong 01 gói nilong (quấn ngoài bằng băng dính đen) là ma túy loại Methamphetamine tổng khối lượng 0,315 gam.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Hồi 13 giờ 40 phút ngày 04/12/2023, tại đường Phạm Tu, Yên Xá, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội, khi K và T đang tàng trữ trái phép 0,315 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng thì bị tổ công tác Công an xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội phối hợp với Tổ công tác Y141 – Công an thành phố Hà Nội bắt quả tang và thu giữ tang vật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội giữ nguyên nội dung bản cáo trạng số 22/CT-VKSTT ngày 05/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì đã truy tố bị cáo K, T về tội ***"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"*** theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 BLTTHS 2015.

Về hình phạt:

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến K mức án từ 20 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt ngày 05/12/2023.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án từ 16 tháng đến 20 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt ngày 05/12/2023.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Cho tiêu hủy số ma túy là Methamphetamine còn lại sau khi trừ lấy mẫu làm giám định.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A màu xanh, bên trong lắp sim số 0975604961 thu giữ của K và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 bên trong lắp sim số 0355760427 thu giữ của T, quá trình điều tra xác định được đây là tài sản của K và T sử dụng để liên lạc rủ nhau cùng đi mua ma túy và liên hệ với đối tượng bán ma túy nên đề nghị cho sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 30Y5-8281, quá trình điều tra xác định được chiếc xe trên thuộc sở hữu của ông Phạm Văn T2, ông T2 cho T mượn để sử dụng đi lại, ông T2 không biết việc T sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi mua ma túy nên ngày 08/12/2023 Cơ quan CSĐT – Công an huyện Thanh Trì đã trao trả lại chiếc xe trên cho ông T2, ông T2 đã nhận lại xe và không có ý kiến gì.

Quá trình đấu tranh, K khai người bán ma Túy cho K là D, bị cáo không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể của D. Ngày 04/12/2023, K có liên hệ đến số điện thoại 0856742345 và đã chuyển số tiền 600.000 đồng từ số tài khoản 0975604961 Ngân hàng TMCP Quân đội của K đến số tài khoản 24273557 Ngân hàng

TMCP Á Châu của D để mua ma túy. Tiến hành kiểm tra điện thoại, tin nhắn zalo, tài khoản ngân hàng của K không có nội dung thể hiện K chuyển số tiền 600.000 cho D nhằm mục đích để mua ma Túy. Cơ quan điều tra đã xác minh xác định được chủ thuê bao 0856742345 và chủ tài khoản 24273557 Ngân hàng TMCP Á Châu là Bùi Minh D (sinh năm 1979, HKTT: xóm B, thôn Tr, xã T3, Thanh Trì, Hà Nội). Ngày 19/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Thanh Trì đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Bùi Minh D tại xóm B, thôn Tr, xã T3, Thanh Trì, Hà Nội, kết quả: *không phát hiện thu giữ gì.* Cơ quan điều tra đã nhiều lần gửi giấy triệu tập nhưng D không có mặt tại địa phương. Ngày 06/02/2024, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm người đối với Bùi Minh D nhưng đến nay chưa có kết quả nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách phần tài liệu liên quan đến đối tượng D để xử lý sau.

Nói lời sau cùng các bị cáo nhận thấy việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét mở lượng khoan hồng cho các bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Thanh Trì, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa và lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, bản kết luận giám định, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 13 giờ 40 phút ngày 04/12/2023, tại đường Phạm Tu, Yên Xá, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội, khi K và T đang tàng trữ trái phép 0,315 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng thì bị tổ công tác Công an xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội phối hợp với Tổ công tác Y141 – Công an thành phố Hà Nội bắt quả tang và thu giữ tang vật. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma Túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Các bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép 0,315 gam Methamphetamine để sử dụng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã cố ý xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma Túy và xâm phạm trật tự an toàn xã hội được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử nghiêm trong khung hình phạt, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên có căn cứ cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo K có 2 lần phạm tội: Tại bản án số 27/2004/ HSST ngày 01/9/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Hà Tây xử 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản; Tại bản án số 57/2007/HSST ngày 14/6/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Hà Nội xử phạt 16 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Hai bản án này của K đã được xóa án tích nhưng vẫn coi bị cáo là người có nhân thân xấu.

Đối với bản án số 276/2009/HSST ngày 24/6/2009, bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Hà Nội xử phạt K 30 tháng tù giam về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù, án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm. Đối với số tiền 2.700.000 đồng theo bản án trên bị cáo chiếm đoạt của bị hại, đến thời điểm phạm tội mới bị cáo chưa hoàn trả cho bị hại, cũng không có tài liệu chứng minh bị hại cho bị cáo số tiền trên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 70 BLHS "bị cáo đương nhiên được xóa án tích nếu chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời hạn thử thách án treo, người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung, **các quyết định khác của bản án**…". Như vậy, Bộ luật hình sự không quy định trường hợp loại trừ người bị kết án chưa chấp hành xong các quyết định khác của bản án vì bất kỳ lý do gì. Do đó, bản án số số 276/2009/HSST ngày 24/6/2009 đối với bị cáo K chưa được xóa án tích. Việc không thực hiện đầy đủ các quyết định của bản án thể hiện bị cáo coi thường pháp luật. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo K, HĐXX nhận định bị cáo là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Quan điểm của đại diện VKS về bị cáo K không có tình tiến tăng nặng là "tái phạm" không phù hợp với nhận định của HĐXX.

Đại diện VKS đề nghị hình phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đại diện VKS đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX.

[5] Về xử lý vật chứng: Cho tiêu hủy ma túy là Methamphetamine có khối lượng còn lại 0,288 gam sau khi đã trừ 0,027 gam dùng giám định.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A màu xanh, bên trong lắp sim số 0975604961 thu giữ của Nguyễn Tiến K và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 bên trong lắp sim số 0355760427 thu giữ của Phạm Văn T, các bị cáo sử dụng để liên lạc rủ nhau cùng đi mua ma túy và liên hệ với đối tượng bán ma túy nên cho sung ngân sách nhà nước

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 30Y5-8281, của ông Phạm Văn T2, ông T2 cho T mượn để sử dụng đi lại, ông T2 không biết việc T sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi mua ma túy nên ngày 08/12/2023 Cơ quan CSĐT – Công an huyện Thanh Trì đã trao trả lại chiếc xe trên cho ông T2 là có căn cứ.

Đối với người bán ma Túy cho K là D, K không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể của D. Ngày 19/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Thanh Trì đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở của D tại xóm B, thôn Tr, xã T3, Thanh Trì, Hà Nội, kết quả: *không phát hiện thu giữ gì.* Ngày 06/02/2024, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm người đối với Bùi Minh D nhưng đến nay chưa có kết quả nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách phần tài liệu liên quan đến đối tượng D để xử lý sau là có căn cứ.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với K) Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106, Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tiến K và Phạm Văn T** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma Túy".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến K 22 (Hai mươi hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/12/2023.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/12/2023.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo

4. Về vật chứng:

Cho tiêu hủy ma Túy là Methamphetamine trong 01 phong bì niêm phong theo Quyết định chuyển vật chứng của VKSND huyện Thanh Trì bên trong có 0,228 gam ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định)

- Sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A màu xanh, số Seri: TKBILZDYPFCYLR4D, Số Imei: 866009054854025 bên trong lắp sim số 0975604961(không kiểm tra chất lượng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 số Seri: 99TKDM6SAIPJY5NJ, Số Imei: 864591058405856; bên trong lắp sim số 0355760427 không kiểm tra chất lượng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/03/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

5. Về án phí và Quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- CA huyện Thanh Trì;
- THADS huyện Thanh Trì;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG HỒNG TUẤN